

Bản án số: 271/2023/DS - PT

Ngày: 20/9/2023

V/v: “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố
hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất
vô hiệu và yêu cầu chia di sản thừa
kế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Lê Tự

Ông Trần Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Yên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Trần Việt Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 150/TLPT-DS ngày 01 tháng 8 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu và yêu cầu chia di sản thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3170/2023/QĐ-PT ngày 05 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Dương Văn T; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Võ Ngọc M – Văn phòng L; địa chỉ: Số D, đường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

- Bị đơn: Ông Dương Văn T1 và bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị. Ông T1 có mặt, bà H vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- UBND huyện T; địa chỉ: Thị trấn Á, huyện T, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.
- Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q; địa chỉ: Phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; có Đơn xin xét xử vắng mặt.
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.
- Bà Dương Thị C; địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắc Lắc; vắng mặt.
- **Người kháng cáo:** Bị đơn ông Dương Văn T1, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung, nguyên đơn ông Dương Văn T và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Năm 1975, gia đình ông T gồm 04 người: Ông Dương Văn Đ, sinh năm 1935 (bố); bà Lê Thị K, sinh năm 1934 (mẹ); bà Dương Thị C, sinh năm 1964 (chị); ông Dương Văn T, sinh năm 1971 cùng khai thác, sử dụng thửa đất khoảng gần một mẫu tại thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị. Năm 1978, bố mẹ sinh em trai là Dương Văn T1. Năm 2002, có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình ông T được đo đạc và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên “Hộ ông Dương Đ” và sau này được chỉnh sửa là hộ ông Dương Văn Đ với diện tích 4.224m², thửa đất số 42, tờ bản đồ số 11. Đây là tài sản chung của bố mẹ ông T là ông Dương Văn Đ và bà Lê Thị K, nhưng ngày 07/9/2001 UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 558401 cho hộ ông Dương Văn Đ là trái pháp luật.

Ngày 28/2/2014, mẹ ông là bà Lê Thị K chết không để lại di chúc. Ngày 30/6/2017, Phó chủ tịch UBND xã T ông Nguyễn Văn P đã có lời chứng đối với “*Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*” giữa bên tặng cho là hộ ông Dương Văn Đ và bên nhận tặng cho là vợ chồng ông T1, bà H. Dựa trên chứng thực này, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T đã chỉnh lý ở trang 04 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên sang tên ông T1 và bà H. Ngày 06/4/2021, bố là ông Dương Văn Đ chết không để lại di chúc.

Trong Hợp đồng tặng cho xác định bà Nguyễn Thị H là thành viên của hộ gia đình ông Đ vào thời điểm năm 2021 là không đúng về hộ sử dụng đất và bà H không có quyền sử dụng đất. Ngày 30/6/2017, ông Đ không đến UBND xã T và chữ ký trong hợp đồng tặng cho trên không phải chữ ký của ông Đ. Trong hợp đồng tặng cho không có điểm chỉ của ông Đ. Hợp đồng tặng cho đã thể hiện sự gian dối khi xác lập hợp đồng khi chứng thực. Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được UBND xã T chứng thực ngày 30/6/2017 giữa bên tặng cho: Ông Dương Văn Đ, vợ chồng ông Dương Văn T1 và bà Nguyễn Thị H. Bên nhận tặng cho là vợ chồng ông Dương Văn T1 và bà Nguyễn Thị H.

- Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 558401 ngày 07/9/2001 do UBND huyện T cấp hộ ông Dương Văn Đ và yêu cầu hủy phần chỉnh lý trang 04 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T về việc ông Dương Văn T1 và bà Nguyễn Thị H nhận tặng cho thông qua hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất trên.

- Yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ là ông Dương Văn Đ và bà Lê Thị K như sau:

+ Về ngôi nhà là tài sản gắn liền với đất ông T không yêu cầu chia.

+ Về quyền sử dụng đất:

* Đất ở gồm 200m² chia đều cho 03 người con, mỗi người được 66,5m².

* Đất trồng cây hàng năm 4.024m² chia đều cho 03 người con, mỗi người được 1.341m².

Tổng giá trị tài sản là quyền sử dụng đất ở và đất trồng cây hàng năm là 1.500.000.000 đồng. Mỗi người được hưởng kỷ phần giá trị là 500.000.000 đồng.

Bị đơn ông Dương Văn T1 trình bày:

Quyền sử dụng đất đối với diện tích 4.224m², thửa đất số 42, tờ bản đồ số 11 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 558401 ngày 07/9/2001 đã được ông Dương Văn Đ lập hợp đồng tặng cho, UBND xã T chứng thực hợp đồng và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T chỉnh lý trang 04 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên nên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có hiệu lực pháp luật. Ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu nếu trường hợp Tòa án tuyên hợp đồng vô hiệu. Hiện nay Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 558401 ngày 07/9/2001 không thể chấp vay vốn ngân hàng.

Về yêu cầu chia di sản của ông Đ, bà K thì khi bố mẹ còn sống đã thỏa thuận cho vợ chồng ông T quyền sử dụng đất của thửa đất khác và năm 1998 vợ chồng ông T ra ở riêng. Còn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 558401 ngày 07/9/2001 bố mẹ và ông T nhất trí giao cho ông T1 sử dụng, quản lý để thờ tự ông bà, cha mẹ. Vì vậy, ông T1 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị C trình bày:

Bà C đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T. Do ở xa nên bà C xin được vắng mặt các buổi làm việc và phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q trình bày:

- Hộ ông Dương Đ sử dụng đất đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 558401 ngày 07/9/2001 với diện tích 4.224m² (trong đó: 200m² đất ở và 4.024m² đất vườn), thửa đất số 42, tờ bản đồ số 11 tại xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị.

- Ngày 24/4/2017, UBND huyện T thực hiện đính chính sai sót tại trang 04 giấy chứng nhận với nội dung: Tên chủ sử dụng đất có sai sót được đính chính lại là hộ ông Dương Văn Đ, sinh năm 1935, CMND số 1904884066, địa chỉ thường trú xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị theo Biên bản kiểm tra ngày 13/4/2017. Ngày 25/4/2017, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T thực hiện chỉnh lý biến động với nội dung: Tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp đến tháng 10/2066.

- Tháng 8/2017, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T nhận được hồ sơ đăng ký biến động của ông Dương Văn T1 và bà Nguyễn Thị H do nhận tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất của hộ ông Dương Văn Đ. Hồ sơ gồm: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đã được UBND xã T chứng thực ngày 30/6/2017 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 558401 ngày 07/9/2001. Sau khi kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T đã thực hiện chỉnh lý trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với nội dung: Tặng cho ông Dương Văn T1, sinh năm 1978, CMND số 197076325 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1990, CMND số 197214298, địa chỉ thường trú xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị.

- Tại thời điểm chỉnh lý biến động, Văn phòng Đ xét thấy hồ sơ đủ điều kiện, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 188 Luật đất đai năm 2013; điểm a khoản 1 Điều 17 Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T2; Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 2 Điều 9 của Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T2 nên nội dung chỉnh lý ngày 04/8/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T là đúng quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã T trình bày:

Nguồn gốc diện tích 4.224m² (trong đó: 200m² đất ở và 4.024m² đất vườn), thửa đất số 42, tờ bản đồ số 11 do ông Dương Đ (Dương Văn Đ) kê khai thể hiện tại Sổ mục kê năm 1998. Tại thời điểm ông Đ kê khai quyền sử dụng đất trên năm 1998 thì những người cùng sống chung và sử dụng quyền sử dụng đất diện tích 4.224m², thửa đất số 42, tờ bản đồ số 11 gồm ông Dương Văn Đ, bà Lê Thị K và ông Dương Văn T1.

Ngày 07/9/2001, UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Dương Văn Đ với diện tích 4.224m² (trong đó: 200m² đất ở và 4.024m² đất vườn), thửa đất số 42, tờ bản đồ số 11. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên, hộ gia đình ông Đ gồm: Ông Dương Văn Đ, sinh năm 1935 (chết năm 2021), bà Lê Thị K, sinh năm 1934 (chết năm 2014), ông Dương Văn T1, sinh năm 1978.

Vợ chồng ông Dương Văn Đ và bà Lê Thị Khai s được 03 người con gồm: Bà Dương Thị C, sinh năm 1964; ông Dương Văn T, sinh năm 1971 và ông Dương Văn T1, sinh năm 1978. Năm 1998 ông T không sống chung với bố mẹ là ông Đ, bà K mà chỉ có ông Đ, bà K và ông T1 cùng sống chung trong hộ gia đình.

Ngày 30/6/2017, ông Dương Văn Đ có mặt tại UBND xã T và trực tiếp ký vào hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Sau đó, UBND xã T chứng thực hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất trên. Tuy nhiên, việc UBND xã T chứng thực hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 30/6/2017 không đúng quy định pháp luật vì tại thời điểm ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất những người trong hàng thừa kế thứ nhất của bà K chưa có văn bản phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất trong thửa đất số 42, tờ bản đồ số 11. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập gồm:

Ngày 16/12/2022, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ hiện trạng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất như sau:

* Hiện trạng quyền sử dụng đất vợ chồng ông Dương Văn T1 và bà Nguyễn Thị H đang sử dụng như sau: Cạnh phía Bắc giáp mương thoát nước dài 81,89m; cạnh phía Đông giáp đất hộ ông Trần Viết X dài 70,49m; cạnh phía Nam giáp đường khu vực dài 75,92m; cạnh phía Tây giáp đất bà Dương Thị H1 dài 38,24m + 26,90m. Tổng diện tích hiện trạng sử dụng 5.308,9m².

** Hiện trạng tài sản gắn liền với đất trên gồm các tài sản như sau:*

- 01 ngôi nhà 01 tầng, trong đó diện tích nhà chính 112,3m² và diện tích nhà bếp 14,9m² (vị trí 1 và 2).

- 01 giếng nước diện tích 0,8m² (vị trí 3).

- Diện tích sân 99m² (vị trí 4).

Ngày 22/2/2023, Hội đồng định giá căn cứ Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Q ban hành bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (2020 – 2024) trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và tiến hành định giá diện tích đất 4.224m² (trong đó: 200m² đất ở và 4.024m² đất vườn), thửa đất số 42, tờ bản đồ số 11 như sau:

- Quyền sử dụng đất diện tích 200m² đất ở nông thôn tại thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị thuộc khu vực 06, xã Đ giá 160.000đồng/m²: 200m² x 160.000đồng/m² = 32.000.000 đồng.

- Quyền sử dụng đất trồng cây hàng năm diện tích 4.024m² tại thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị thuộc khu vực 01, xã Đ giá 24.530đồng/m²: 4.024m² x 24.530đồng/m² = 98.708.720 đồng.

Tổng giá trị quyền sử dụng đất diện tích 4.224m² (trong đó: 200m² đất ở và 4.024m² đất vườn), thửa đất số 42, tờ bản đồ số 11 là 130.708.720 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165, Điều 166, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 479 của BLTTDS; điểm c khoản 1 Điều 179 Luật đất đai năm 2013; Điều 117, Điều 123, Điều 131, Điều 500, Điều 501, Điều 610, Điều 611, Điều 612, Điều 614, Điều 623, Điều 649, điểm a

khoản 1 Điều 651, Điều 660 BLDS 2015; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn T.

- Tuyên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được UBND xã T chứng thực ngày 30/6/2017, giữa bên tặng cho: Ông Dương Văn Đ, ông Dương Văn T1 và bà Nguyễn Thị H với bên nhận tặng cho: Ông Dương Văn T1 và bà Nguyễn Thị H với nội dung: Tặng cho quyền sử dụng đất tặng cho diện tích 4.224m² (trong đó: 200m² đất ở và 4.024m² đất vườn), thửa đất số 42, tờ bản đồ số 11 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 558401 do UBND huyện T cấp ngày 07/9/2001 là vô hiệu.

- Giao cho ông Dương Văn T quản lý, sử dụng và định đoạt phần hưởng di sản thừa kế của bà K quyền sử dụng đất với diện tích 528m², trong đó: Đất ở diện tích 25m² giá trị 4.000.000 đồng và đất vườn diện tích 503m² giá trị 12.338.590 đồng trong thửa đất số 42, tờ bản đồ số 11 tại thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (có sơ đồ kèm theo).

- Giao cho bà Dương Thị C quản lý, sử dụng và định đoạt phần hưởng di sản thừa kế của bà K quyền sử dụng đất với diện tích 528m², trong đó: Đất ở diện tích 25m² giá trị 4.000.000 đồng và đất vườn diện tích 503m² giá trị 12.338.590 đồng trong thửa đất số 42, tờ bản đồ số 11 tại thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (có sơ đồ kèm theo).

- Giao cho ông Dương Văn T1 quản lý, sử dụng và định đoạt quyền sử dụng diện tích 3.168m², trong đó: Đất ở diện tích 150m² và đất vườn diện tích 3.018m² và tài sản gắn liền với đất gồm: 01 ngôi nhà 01 tầng, trong đó diện tích nhà chính 112,3m² và diện tích nhà bếp 14,9m² (vị trí 1 và vị trí 2); 01 giếng nước diện tích 0,8m² (vị trí 3); sân bê tông 99m² (vị trí 4) trong thửa đất số 42, tờ bản đồ số 11 tại thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (có sơ đồ kèm theo).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn T về yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Dương Văn Đ và Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 558401 do UBND huyện T cấp ngày 07/9/2001 cho hộ ông Dương Văn Đ.

3. Hủy phần chỉnh lý trang 04 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 558401 ngày 07/9/2001 với nội dung: Tặng cho ông Dương Văn T1, sinh năm 1978, CMND số 197076325 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1990, CMND số 197214298, địa chỉ thường trú xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận hủy phần chỉnh lý trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 558401 ngày 07/9/2001 của UBND huyện T.

4. Ông Dương Văn T, ông Dương Văn T1, bà Dương Thị C có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên theo quy định pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/5/2023 và ngày 01/6/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị nhận được đơn kháng cáo bản án sơ thẩm của bị đơn ông *Dương Văn T1*, với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông *Dương Văn T*.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo bị đơn ông Dương Văn T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Đề nghị chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Dương Văn T thống nhất ý kiến của người bảo vệ.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án như sau: Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn là đúng pháp luật, bị đơn ông T1 kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ nào mới khác; do đó đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Dương Văn T1, giữ nguyên quyết định sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn ông Dương Văn T1, thấy:

[1.1] Nguồn gốc diện tích 4.224m² (trong đó: 200m² đất ở và 4.024m² đất vườn), thửa đất số 42, tờ bản đồ số 11 tại xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị do ông Dương Đ (Dương Văn Đ) kê khai thể hiện tại Sổ mục kê năm 1998; ngày 07/9/2001, UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Dương Văn Đ với diện tích 4.224m² (trong đó: 200m² đất ở và 4.024m² đất vườn), thửa đất số 42, tờ bản đồ số 11. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên, hộ gia đình ông Đ gồm: Ông Dương Văn Đ, sinh năm 1935 (chết năm 2021), bà Lê Thị K, sinh năm 1934 (chết năm 2014), ông Dương Văn T1, sinh năm 1978; diện tích đất và tài sản trên đất trên là tài sản chung của ông Đ và bà K.

[1.2] Vợ chồng ông Dương Văn Đ và bà Lê Thị Khai s được 03 người con gồm: Bà Dương Thị C, sinh năm 1964; ông Dương Văn T, sinh năm 1971 và ông Dương Văn T1, sinh năm 1978. Năm 1998 ông T không sống chung với bố

mẹ là ông Đ, bà K mà chỉ có ông Đ, bà K và ông T1 cùng sống chung trong hộ gia đình.

[1.3] Ngày 30/6/2017, ông Dương Văn Đ có mặt tại UBND xã T và trực tiếp ký vào hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất diện tích 4.224m² (trong đó: 200m² đất ở và 4.024m² đất vườn), thửa đất số 42, tờ bản đồ số 11, tại xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị cho vợ chồng ông Dương Văn T1 và bà Nguyễn Thị H được UBND xã T chứng thực là không đúng quy định pháp luật, vì trong diện tích đất 4.224m² (trong đó: 200m² đất ở và 4.024m² đất vườn) có một phần di sản của bà K chết để lại không có di chúc, nhưng chưa chia thừa kế; ông Đ không có quyền định đoạt phần di sản thừa kế của bà K để lại; tuy nhiên ông Đ có quyền định đoạt phần tài sản của mình, do đó phần tài sản của ông Đ đã cho vợ chồng ông Dương Văn T1 và bà Nguyễn Thị H vẫn có hiệu lực.

[2] Tòa án sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn T, tuyên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được UBND xã T chứng thực ngày 30/6/2017, giữa bên tặng cho ông Dương Văn Đ với bên nhận tặng cho ông Dương Văn T1 và bà Nguyễn Thị H là vô hiệu; chia di sản thừa kế của bà K để lại, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn T về yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Dương Văn Đ và Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 558401 do UBND huyện T cấp ngày 07/9/2001 cho hộ ông Dương Văn Đ là có căn cứ và đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm bị đơn ông Dương Văn T1 kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được tài liệu chứng cứ gì mới khác để chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Dương Văn T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn ông Dương Văn T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Dương Văn T1, giữ nguyên ***Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.***

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Dương Văn T1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0000288 ngày

01/6/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Ông Dương Văn T1 đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn